

**TÒA ÁN N DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 10/11/2021.  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”.

**N DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Viết Dược.

*Các Hội thẩm N dân:* 1. Ông Nguyễn Thái Hòa;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án N dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***-Đại diện Viện Kiểm sát N dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 769/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14/4/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/7/2021; Thông báo dời ngày xét xử số 01/2021/TB-TA, ngày 12/7/2021; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/2021/TB-TA, ngày 21/10/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1979.

Địa chỉ thường trú: Tổ T, khu phố 9C, phường TP, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

**Bị đơn:** Bà Hà Thị Thanh V, sinh năm 1980.

Địa chỉ thường trú: Tổ T, khu phố 9C, phường TP, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại 3-Trại giam Thủ Đức - Cục C10-Bộ Công an, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:***

-Về quan hệ hôn N: Ông và bà Hà Thị Thanh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Nguyên N do hai vợ chồng khắc khẩu, bất đồng quan điểm. Không còn tình cảm với bà V nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

-Về con chung: Có 03 cháu tên Nguyễn Ngọc Đông Nh, sinh ngày 22/9/2005; Nguyễn Thiện N, sinh ngày 06/02/2008 và Nguyễn Ngọc Khánh N1, sinh ngày 02/10/2013. Ly hôn ông xin nuôi các con, không yêu cầu bà V cấp dưỡng.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

***Theo nội dung bản tự khai, bị đơn bà Hà Thị Thanh V trình bày:***

-Về quan hệ hôn N: Bà và Nguyễn Đình T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn không hiểu nhau, giữa hai người có Nhều khác biệt, bất đồng quan điểm sống, hiện đã sống ly thân, không còn tình cảm gì nên bà đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Có 03 cháu tên Nguyễn Ngọc Đông Nh, sinh ngày 22/9/2005; Nguyễn Thiện N, sinh ngày 06/02/2008 và Nguyễn Ngọc Khánh N1, sinh ngày 02/10/2013. Ly hôn do bà đang chấp hành án không có điều kiện trực tiếp nuôi con, nên bà quyết định giao các con cho bố mẹ ruột của bà chăm sóc, chồng bà là ông T chu cấp hàng tháng, số tiền cấp dưỡng tùy ông T sắp xếp.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

***Ý kiến của Viện kiểm sát N dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:***

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

-Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T. Về con chung: Đề nghị giao các cháu Nguyễn Ngọc Đông Nh, sinh ngày 22/9/2005; Nguyễn Thiện N, sinh ngày 06/02/2008 và Nguyễn Ngọc Khánh N1, sinh ngày 02/10/2013 cho ông T nuôi, tạm thời bà V không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về án phí ông T phải chịu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Đình T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn bà Hà Thị Thanh V có địa chỉ tại tổ T, khu phố 9C, phường TP, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn N và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Nguyễn Đình T là nguyên đơn, bà Hà Thị Thanh V là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn N:

Ông Nguyễn Đình T và bà Hà Thị Thanh V tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân phường Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 203, Quyền 02/2004. Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn N và gia đình năm 2000 thì hôn N giữa ông T và bà V xác định là hôn N hợp pháp. Tòa án căn cứ vào các quy định của Luật Hôn N và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành để giải quyết việc ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà V là có thật, cả hai vợ chồng đều xác định không còn tình cảm với nhau, đều thừa nhận quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thực tế đã sống ly thân, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà V cũng đồng ý ly hôn. Xét đây là ý kiến tự nguyện của hai bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn N không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn N và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, cho ông T được ly hôn với bà V.

[5] Về con chung: Ông T và bà V có 03 cháu tên Nguyễn Ngọc Đông Nh, sinh ngày 22/9/2005; Nguyễn Thiện N, sinh ngày 06/02/2008 và Nguyễn Ngọc Khánh N1, sinh ngày 02/10/2013. Ly hôn ông T xin được nuôi 03 con, không yêu cầu bà V cấp dưỡng. Bà V có tự khai xác định do đang chấp hành án không có điều kiện trực tiếp nuôi con, nhưng bà có nguyện vọng giao các con cho bố mẹ ruột của bà chăm sóc, chồng bà là ông T chu cấp hàng tháng, số tiền cấp dưỡng tùy ông T sắp xếp. Quá trình giải quyết vụ án, thì các con của ông T và bà V có bản tự khai xin được ở với ông T. Theo quy định của pháp luật, thì cha mẹ là người đại diện theo pháp luật của con chưa thành niên; khi giải quyết ly hôn, Tòa án giao con cho cha hoặc mẹ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. xét thấy, cần giao cả 03 con chung cho ông T, tạm thời bà V không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông T không yêu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà V xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn N và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật hôn N và gia đình năm 2014;

-Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đình T.

1.Về quan hệ hôn N: Ông Nguyễn Đình T được ly hôn với bà Hà Thị Thanh V.

2.Về con chung: Giao 03 cháu Nguyễn Ngọc Đông Nh, sinh ngày 22/9/2005; Nguyễn Thiện N, sinh ngày 06/02/2008 và Nguyễn Ngọc Khánh N1, sinh ngày 02/10/2013 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời bà V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà V xác định là không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4.Về án phí: Ông Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0000732 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Ông T đã nộp xong tiền án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đình T và bà Hà Thị Thanh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- UBND P.Tân Phong, TP.Biên Hòa,
- T.Đồng Nai (CN số 203, Quyền 02/2004);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trịnh Viết Dục**

